

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn giữa chị Lưu Thị Kim H và
anh Mai Thế D.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXX - ST ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐ-HPT ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị Kim H**, sinh năm 1998; ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn T, xã S, huyện X, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Mai Thế D**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2025, bản tự khai đề ngày 21 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 11 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà cH và hạnh phúc đến tháng 3 năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi anh chị sinh con, kinh tế của vợ cH khó khăn. Bản thân anh D lười lao động không tu chí làm ăn nên vợ cH thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Chị H đã khuyên bảo động viên anh D tìm công việc để đi làm nuôi con và trang trải cuộc sống nhưng anh D không nghe, không chịu đi làm, thậm chí còn mắng chửi, xúc phạm chị. Vì vậy vợ cH đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay, chị H bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn Trung Bắc, xã Vũ Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh D vẫn sống cùng bố mẹ anh tại xã Vũ Hội. Việc anh D lười lao động đã được bố cH chị khuyên bảo cùng với chị động viên nhưng không có kết quả. Mọi sinh hoạt cho gia đình, nuôi con chị phải tự lo liệu nên đời sống rất khó khăn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là: Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 20xx. Hiện tại con Q đang sống cùng với chị, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Q và không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ cH anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 11 tháng 3 năm 2025, bị đơn anh Mai Thế D trình bày đúng như chị H đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ cH. Anh D xác định vợ cH mâu thuẫn căng thẳng, có khi còn đánh chửi nhau do kinh tế khó khăn. Anh chị đã tìm biện pháp cải thiện mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 3 năm 2024 chị H bế con chung về nhà ngoại sống ly thân với anh cho đến nay. Trong thời gian anh chị sống ly thân, thi thoảng chị H vẫn đưa con về nhà anh chơi với ông bà nội và với bố và ngược lại, anh cùng gia đình cũng đến nhà ngoại thăm cháu. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hoà giải cho anh chị đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh cam đoan sẽ thay đổi bản thân, không đánh chửi chị H nữa và sẽ tìm công việc để làm, tạo thu nhập trang trải cuộc sống gia đình.

Về quan hệ con chung: Anh xác nhận anh và chị H có 01 con chung là Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 20xx. Hiện tại con Q đang sống cùng với chị H, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà bố mẹ đẻ của chị H là đúng. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con Q, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý tiếp tục giao con Q cho chị H chăm sóc, đồng ý việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Mai Văn Đắc là bố đẻ anh D cũng xác nhận lời trình bày của anh D về các nội dung: quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn và việc sống ly thân của vợ chồng anh D, chị H, về quan hệ con chung và tài sản chung của anh chị là đúng.

3. Biên bản xác minh ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư thể hiện:

Chị H và anh D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Hội vào ngày 11 tháng 9 năm 2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh D tại thôn Năng An, xã Vũ Hội đến năm 2019, anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì UBND xã Vũ Hội cũng như cơ sở thôn không nắm rõ, sau đó chị có bé con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn T, huyện K, tỉnh Thái Bình sinh sống. Về phía anh D, là công dân sinh sống tại địa phương và có chỗ ở ổn định, luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, anh D không vi phạm pháp luật. Về phía chị H, địa phương và cơ sở thôn chỉ nắm được rằng chị H hiện đang làm công nhân tại tỉnh Thái Bình, có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con. Bản thân chị H khi sinh sống tại địa phương cũng không vi phạm pháp luật, tuân thủ tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, có tư cách đạo đức tốt.

Về con chung: Anh D và chị H có 01 con chung là Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 20xx. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Vì vậy địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật.

Về tài sản của anh chị địa phương không nắm được. Anh chị không có nợ chung đối với tổ chức, đoàn thể xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị Lưu Thị Kim H được ly hôn anh Mai Thế D; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lưu Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2019. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Do chị H và anh D đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lưu Thị Kim H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Mai Thế D có đăng ký thường trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Lưu Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Mai Thế D được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Kim H và anh Mai Thế D đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 11 tháng 9 năm 20xx là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm, bản thân anh D lại không tìm công việc để tạo thu nhập, nên kinh tế, đời sống gia đình gặp khó khăn từ đó dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân, sống mỗi người một nơi. Chị H xác định chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ. Anh D đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng lại không đến Tòa án hòa giải theo thông báo của Tòa và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa, không giao nộp chứng cứ chứng minh anh đã tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Lưu Thị Kim H được ly hôn anh Mai Thế D.

[2.2] Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là: Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 20xx. Hiện tại con Q đang sống cùng với chị, do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh D đồng ý. Về điều kiện nuôi con: Chị H hiện đang làm công nhân tại tỉnh Thái Bình, có thu nhập ổn định 10.600.000đồng/tháng và có chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ chị. Anh D và gia đình xác nhận và đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cháu Q, cần giao con chung của anh chị cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

[2.3] Về tài sản: Chị Lưu Thị Kim H và anh Mai Thế D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Kim H được ly hôn anh Mai Thế D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lưu Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Mạnh Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 20xx. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh D phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Anh Mai Thế D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Mai Thế D và chị Lưu Thị Kim H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Kim H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001864 ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Kim H và anh Mai Thế D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thoan